TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2020
Về việc: Tranh chấp hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hữu Sự;
2. Bà Nguyễn Thị Hệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019 về việc: Tranh chấp hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Mai H, sinh năm: 1983. Có mặt.
HKTT: Xóm II, thôn TH, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Phòng TMA, tầng X Chung cư TS, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Trần Tất Đ, sinh năm: 1985. Vắng mặt.
HKTT: Xóm II, thôn TH, xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Phòng PLMA Chung cư PH, đường NLB, phường HN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Nơi công tác: Sở PMA tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Hoàng Mai P, sinh ngày 15/01/2015;
Người đại diện hợp pháp cho cháu P: Chị Hoàng Thị Mai H, anh Trần Tất Đ - Bố mẹ đẻ cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Mai H trình bầy:

Chị Hoàng Thị Mai H và anh Trần Tất Đ đăng ký kết hôn với nhau năm 2008 tại UBND xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau kết hôn vợ chồng chị H ở riêng, lúc đầu ở nhà trọ, sau là ở tập thể cao đẳng sư phạm Hưng Yên. Đến năm 2016 thì vợ chồng ở chung cư PH cho đến nay. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng cũng có nhiều quan điểm sống không cùng nhau. Vợ chồng không đánh cãi chửi nhau do chị H nhịn nhiều vì nghĩ đến con. Trong lúc nóng giận, anh Đ không kiểm soát lời nói của mình, dùng những lời nói xúc phạm danh dự nhân phẩm, thậm chí còn nói những lời lẽ xúc phạm chị H trước mặt con gái, như con mẹ mày không biết dạy con, cư xử như người không có học…Có khoảng thời gian dài hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, về nhà mọi công việc chị H phải làm và lo toan hết, nhiều khi chị H có nói thì anh không thèm trả lời, mắt cứ dán vào ti vi. Chị H cảm thấy anh Đ không tôn trọng chị. Mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm từ tháng 2 năm 2019, cuộc sống vợ chồng không có cải thiện được gì. Anh Đ tính tình vẫn vậy, không thay đổi gì. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó, mặc dù sống cùng nhà không ngủ cùng nhau. Từ ngày 01/4/2020 chị H đã ra ở riêng, không sống cùng nhà với anh Đ nữa. Việc vợ chồng mâu thuẫn, bố mẹ hai bên gia đình có biết nhưng về phía gia đình anh Đ thì cho rằng nếu ly hôn thì do lỗi của chị H, anh Đ không có lỗi gì. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên chị H đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng Mai P, sinh ngày 15/01/2015. Cháu P hiện đang ở cùng anh Đ. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu, và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản khác, bị đơn anh Trần Tất Đ trình bầy:

Năm 2008 anh Trần Tất Đ và chị Hoàng Thị Mai H đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, anh Đ đã cố gắng khắc phục nhưng những mâu thuẫn nhỏ từ cuộc sống gia đình làm cho hai vợ chồng không thống nhất được, càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, sống không có hạnh phúc nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng Mai P, sinh ngày 15/01/2015. Anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Đ nhất trí với quan điểm của chị H là vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Phiên tòa ngày 30/6/2020 bị đơn anh Đ vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên.

* Bị đơn anh Đ vắng mặt không có lý do.

* Quan điểm của đại diện VKSND thành phố H:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 189, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX:

+ Về hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Mai H được ly hôn anh Trần Tất Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Mai P, sinh ngày 15/01/2015 cho chị Hoàng Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Mai H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Tất Đ, sinh năm 1985, đăng ký tạm trú tại: Phố AB, phường AT, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, công tác tại: Sở PMA tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Mai H và anh Trần Tất Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã CN, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên ngày 20/12/2008, như vậy hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Theo chị H thì trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do có nhiều quan điểm sống không cùng nhau. Trong lúc nóng giận, anh Đ không kiểm soát được nên đã có những lời lẽ xúc phạm chị H. Mặc dù chị H đã cố gắng chịu nhịn vì con cái nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có cải thiện. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đỉnh điểm từ tháng 2 năm 2019 và đã sống ly thân, ban đầu còn ở chung nhà nhưng đến đầu tháng 4 năm 2019 chị H đã thuê nhà ở riêng. Bản thân anh Đ cũng xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, anh Đ đã cố gắng khắc phục nhưng những mâu thuẫn nhỏ từ cuộc sống gia đình làm cho hai vợ chồng không thống nhất được, càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh Đ nhất trí ly hôn.

Xét thấy vợ chồng chị H, anh Đ trong quá trình chung sống với nhau đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Cả hai anh chị đều đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng tăng. Bản thân anh Đ cũng thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Do vậy xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị H xin ly hôn anh Đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng Mai P, sinh ngày 15/01/2015. Cháu P hiện đang ở cùng anh Đ. Cả chị H và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét về điều kiện kinh tế và chỗ ở: Cả chị H và anh Đ đều là công chức, viên chức Nhà nước, có thu nhập ổn định và đều có nhà riêng; anh Đ được bố đẻ tặng riêng cho 01 sổ tiết tiệm trí giá 270.000.000 đồng; chị H ngoài công việc chính còn làm thêm tại Công ty Chubb Laife Việt Nam và đang giữ chức vụ Trưởng khu vực kinh doanh. Vì vậy cả hai anh chị đều đảm bảo về kinh tế và chỗ ở khi được nuôi con.

Xét về các điều kiện khác: Cả hai anh chị đều thương yêu và quan tâm chăm sóc con cái. Tuy nhiên cháu P là con gái, nếu cháu ở với mẹ thì sẽ thuận lợi hơn về mặt phát triển tâm sinh lý của cháu. Mặt khác theo sổ khám chữa bệnh do chị H cung cấp thì chị H rất khó khăn trong việc mang thai.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy việc giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con cũng như đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ khi ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H nên được chấp nhận.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ đã tự thỏa thuận xong và không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 147, Điều 189, Điều 195, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Mai H được ly hôn anh Trần Tất Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Mai P, sinh ngày 15/01/2015 cho chị Hoàng Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Tất Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị Mai H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Mai H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001021 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. H;*
- *Các đ- ơng sự;*
- *TA tỉnh H;*
- *THA dân sự TP. H;*
- *L- u hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý